

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2024/HS-ST
Ngày 19/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long
Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 04/ 6/ 2024 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Đức Q, sinh ngày 17/ 01/ 1992; Nguyên quán: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1970; Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1974; Vợ: Bùi Thị N, sinh năm 1992; có 02 con; con lớn sinh năm 2018; con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Chưa

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1946 (đã chết); Trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện Theo giấy ủy quyền: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: 171/36, Lê Văn T3, phường H, G, TP Hồ Chí Minh (con trai ông Nguyễn Văn T1, có đơn xin xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1992; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 06/02/2024 Nguyễn Đức Q điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát (BKS) 17A-288.11 đi trên đường liên xã Đ đi xã Đ; huyện Đ trên xe chở vợ là chị Bùi Thị N, sinh năm 1992 thường trú tại thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và hai con nhỏ là cháu Nguyễn Bùi Minh N1, sinh năm 2018 và cháu Nguyễn Bảo Minh C, sinh năm 2023. Khi đi đến đoạn đường giao nhau giữa đường liên thôn V, xã Đ đi thôn V, xã Đ thuộc địa phận thôn V, xã Đ, huyện Đ thì Q phát hiện ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1946 ở thôn V, xã Đ điều khiển xe mô tô BKS: 36L1-7476 đi từ hướng thôn V qua đường sang thôn V, xã Đ (khoảng cách Q phát hiện ra ông T1 khoảng 3- 4m). Do khoảng cách Quyền nhìn thấy ông T1 quá gần nên không kịp điều khiển xe để tránh nên mặt ngoài bên trái đầu xe ô tô BKS 17A-288.11 của Quyền va chạm với cạnh bên phải vành trước, má phải lốp trước xe mô tô do ông T1 điều khiển. Hậu quả xe mô tô BKS 36L1-7476 và ông T1 ngã xuống đường chết ngay tại chỗ. Xe ô tô bị hư hỏng nhẹ. (BL số: từ 132-149)

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là khu vực đường giao nhau giữa đường liên xã Đ đi Đ với đường liên thôn V, xã Đ đi thôn V, xã Đ thuộc thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Đây là trục đường mới được rải nhựa, lòng đường rộng 8 mét thẳng, phẳng, trên trục đường không có biển báo. Trục đường liên thôn V đi thôn V, mặt đường bằng bê tông, điểm tiếp giáp với mặt đường liên xã có chiều rộng 7m80, do trục đường liên xã cao hơn nên trục đường liên thôn dốc về hai phía. Trên trục đường liên thôn có biển báo 208 (Biển báo giao nhau với đường ưu tiên).

Hiện trường để lại các dấu vết, vật chứng sau:

“1. Vết tỳ cày 1 có đặc điểm tỳ và cày xuống mặt đường không liên tục vết làm trót mặt đường và tróc nhựa mặt đường theo chiều từ Đ đi Đ, chéch từ phải qua trái tạo thành vết trót và vết lõm không liên tục màu trắng ngà, vết có kích thước dài 2m40 rộng 3cm, sâu 0,5cm, đầu vết vào mép đường nhựa bên phải là 3m90, đến tâm đường rẽ vào thôn V là 5m, đến biển báo 208 là 30m40. Cuối vết trùng đầu mút giá để chân trước bên phải xe mô tô BKS: 36L1-7476.

2. Xe mô tô BKS: 36L1 7476 vành trước của xe bị cong vênh, đầu mút tay nắm bên phải bị tuột ốp cao su tay nắm và một phần cốt sắt bên phải xe tiếp giáp mặt đất, đầu xe hướng về Đ, chéch vào lề đường trái, từ trục sau xe vào mép đường phải là 4m35, trục trước xe vào mép đường phải là 5m10.

3. Vết tỳ trượt 2 làm trót mặt đường, tạo thành vết màu trắng ngà trên mặt đường tạo thành vết có kích thước 50x2cm vết có chiều từ Đ đi Đ, chéch từ phải qua trái, đầu vết vào mép đường phải là 4m và cách đầu vết tỳ cày 1 là 2m30, cuối vết trùng với đầu mút tay nắm bên phải xe mô tô và vào mép đường phải là 4m20.

4. Tử thi là nam giới nằm ngửa trên mặt đường, đầu hướng về phía Đông V, hơi chéch vào lề đường trái, tử thi mặc quần dài màu xám, mặc áo khoác màu nâu, phần trán và hai tai chảy máu, từ gót chân đến đầu kích thước 1m60, từ gót chân trái tử

thi vào mép đường phải là 3m40, đầu tử thi vào mép đường phải là 3m90. Đầu tử thi cách trục trước xe mô tô BKS: 36L1 7476 là 1m70”. (BL số:02-04)

Ngày 07/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã Trung cầu giám định dấu vết trên phương tiện liên quan đến vụ vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 778/KL-KTHS ngày 28/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

“1. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Cạnh bên phải vành trước má phải lốp trước, tương ứng từ cuối hàng chữ DRC đến đầu hàng chữ số 4PR theo cùng chiều chuyển động tiến xe mô tô BKS: 36L1- 7476 (ảnh từ 3 đến 6) với mặt ngoài bên trái đầu xe ô tô BKS: 17A- 288.11 (ảnh 20,21,22)

2. Tại thời điểm va chạm, xe mô tô BKS: 36L1 7476 có hướng từ trái sang phải, chệch cùng chiều so với hướng chuyển động của xe ô tô BKS 17A- 288.11

3. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết tỳ, cày mặt đường trong khu vực ngã tư giao nhau giữa đường liên xã Đ đi Đ với đường liên thôn V đi thôn V, xã Đ.

4. Không đủ cơ sở xác định vận tốc của hai phương tiện khi xảy ra va chạm”. (BL số: 76-77).

Ngày 07/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T giám định pháp y tử thi xác định nguyên nhân chết của ông Nguyễn Văn T1.

Tại Bản kết luận giám định số 657/KLGĐTT-PC09 ngày 22/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

“1. Các kết quả chính:

1.1. Kết quả khám nghiệm:

- Các vết xây xước da, bầm tụ máu, sưng nề tại vùng: Đầu, lưng trái, tay trái, tay phải, chân phải.
- Tụ máu tổ chức dưới da đầu vùng thái dương đỉnh chẩm trái và một phần cơ thái dương trái.
- Vỡ xương hộp sọ vùng thái dương đỉnh chẩm trái;
- Tụ máu dưới màng cứng, tụ máu lan tỏa màng mềm.

1.2. Kết quả xét nghiệm giám định khác: không.

1.3. Kết quả khác: Không

2. Kết luận:

2.1. Kết luận nguyên nhân chết: Vỡ xương hộp sọ, tụ máu não

2.2. Kết luận khác: Không.

*** Về vật chứng:**

Đối với chiếc xe ô tô BKS: 17A- 288.11, Cơ quan CSĐT xác định chủ sở hữu của chiếc xe ô tô BKS: 17A- 288.11 là của chị Bùi Thị N. (vợ bị cáo Q) sinh năm 1992 thường trú tại thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho chị Bùi Thị N, quản lý và sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 36L1 7476 Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà Lê Thị Q2, sinh năm 1949 thường trú tại thôn V, xã Đ, huyện Đ (là vợ của nạn nhân T1) quản lý và sử dụng.

*** Về bồi thường dân sự:**

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Q đã tự nguyện bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho gia đình ông T1. Đại diện gia đình ông T1 là ông Nguyễn Văn T2 đã nhận.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-HS ngày 20/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Đức Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Đức Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và đại diện hợp pháp cho bị hại.

Phản tranh luận: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 06/02/2024 bị cáo có giấy phép lái xe hạng B1, điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát (BKS) 17A-288.11 đi trên đường liên xã Đ đi xã Đ; huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Khi đi đến đoạn đường giao nhau giữa đường liên thôn V, xã Đ đi thôn V, xã Đ thuộc địa phận thôn V, xã Đ, huyện Đ thì phát hiện ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1946 ở thôn V, xã Đ điều khiển xe mô tô BKS: 36L1-7476 đi từ hướng thôn V qua đường sang thôn V, xã Đ (khoảng cách Q phát hiện ra ông T1 khoảng 3- 4 m). Do khoảng cách Quyền nhìn thấy ông T1 quá gần nên không kịp điều khiển xe để tránh nên mặt ngoài bên trái đầu xe ô tô BKS 17A-

288.11 của Quyền va chạm với cạnh bên phải vành trước, má phải lớp trước xe mô tô do ông T1 điều khiển, xe mô tô BKS 36L1-7476 và ông T1 ngã xuống đường Hậu quả ông T1 chết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp bên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, Kết luận giám định dấu vết trên các phương tiện liên quan trong vụ tai nạn giao thông và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hành vi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông khi đến đường giao nhau không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi gặp chướng ngại vật trên đường, gây ra tai nạn chết 01 người. Do vậy hành vi của Nguyễn Đức Q đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự như Quyết định truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do Nguyễn Đức Q điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi đến đường giao nhau không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi gặp chướng ngại vật nên mặt ngoài bên trái đầu xe ô tô BKS 17A-288.11 do Quyền điều khiển va chạm với cạnh bên phải vành trước, má phải lớp trước xe mô tô do ông T1 điều khiển, vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ; khoản 1 điều 5 thông tư 31/2019/TT-BGTVT. Hành vi của bị cáo đã vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại về tính mạng cho người khác và mất trật tự an toàn giao thông, do đó cần phải được xử lý nghiêm. Tuy nhiên bị hại cũng có lỗi là điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi đến ngã tư giao nhau không chú ý quan sát vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, trong máu có nồng độ cồn máu là 38,78mg/100ml máu đã vi phạm vào điểm c khoản 6 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP'.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

+ Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngay sau tai nạn xảy ra bị cáo và gia đình có trách nhiệm thăm hỏi, động viên và bồi thường toàn bộ theo thỏa thuận cho đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đại diện gia đình người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, bị hại cũng có một phần lỗi đây là các tình tiết qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành công dân tốt.

Xét thấy bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp

hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục cải tạo đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, điều khiển xe phục vụ sinh hoạt gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, gia đình bị hại đã nhận đủ tiền, địa diện cho bị hại có đơn xin xử vắng mặt không yêu cầu và đề nghị gì thêm. Việc thỏa thuận giải quyết dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại xe ô tô không có yêu cầu gì nên không xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Nguyễn Đức Q 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 92; Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và đại diện hợp pháp cho người bị hại.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Thi hành án DS huyện Đông Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Quảng Ngọc, h. Quảng Xương
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Cao Văn Tuấn